| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 03/2023/DS-ST
Ngày: 07-02-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Đỗ Hữu Phúc

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Lương Văn Cẩu

2. Bà Mai Thị Thu Hà

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 294/2022/QĐXX-DS ngày 18 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH HMK; Địa chỉ: Khóm B5, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: bà Phạm Thị Như B – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Việt B1, sinh năm 1979 – Đại diện theo giấy ủy quyền ngày 02/11/2022 (có mặt)

Địa chỉ: khóm Đ4, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Phan Trọng T, sinh năm 1983 (có mặt)
Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 30/8/2022, đại diện theo pháp luật Công ty TNHH HMK bà Phạm Thị Như B trình bày: Ngày 12/02/2017 Công ty TNHH HMK và ông

Phan Trọng T, bà Nguyễn Thị Ngọc G có thỏa thuận mua bán với nhau (hợp đồng bằng lời nói), theo đó Công ty TNHH HMK sẽ bán thuốc thú ý và thức ăn thủy sản cho ông T, bà G theo hình thức giao hàng nhận tiền. Tuy nhiên phía ông T bà G chỉ thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán ở giai đoạn đầu, đến đầu năm 2020 ông T, bà G bắt đầu vi phạm hợp đồng. Ngày 31/7/2022 Công ty TNHH HMK cùng ông T, bà G tiến hành đối chiếu công nợ thì ông T, bà G còn nợ Công ty TNHH HMK số tiền 70.892.500 đồng, ông Triết có ký xác nhận công nợ ngày 31/7/2022.

Công ty TNHH HMK khởi kiện yêu cầu ông T, bà G có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ là 70.892.500 đồng, tính lãi theo mức lãi suất 1%/tháng đối với số tiền còn nợ từ ngày 31/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

* Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Phan Trọng T và bà Nguyễn Thị Ngọc G nhưng ông T, bà G đều vắng mặt không có lý do, đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**Tại phiên tòa,**

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Việt B1 trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Phan Trọng T và bà Nguyễn Thị Ngọc G phải thanh toán cho Công ty TNHH HMK số tiền 70.892.500 đồng, yêu cầu tính lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) đối với số tiền nợ từ ngày 31/7/2022 đến ngày xét xử vụ án.

- Bị đơn ông Phan Trọng T trình bày ông và bà Nguyễn Thị Ngọc G có thỏa thuận mua thức ăn thủy sản của Công ty TNHH HMK, mục đích mua để chăn nuôi thủy sản có lợi nhuận phục vụ gia đình. Hiện nay còn nợ số tiền 70.892.500 đồng. Ông đồng ý cùng bà Giàu trả số tiền gốc và lãi nhưng xin được trả dài hạn.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc G vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Phan Trọng T và bà Nguyễn Thị Ngọc G phải thanh toán cho Công ty TNHH HMK số tiền 70.892.500 đồng, tính lãi suất 0,83%/tháng đối với số tiền nợ từ ngày 31/7/2022 đến ngày xét xử vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng:*

*1.1 Về quan hệ pháp luật:* Tranh chấp giữa Công ty TNHH HMK và ông Phan Trọng T và bà Nguyễn Thị Ngọc G được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

*1.2 Về thẩm quyền giải quyết:* Tại biên bản xác minh ngày 27/12/2022 công an xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xác nhận ông Phan Trọng T và bà Nguyễn Thị Ngọc G có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

*1.3 Về sự có mặt của đương sự:* bà Nguyễn Thị Ngọc G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị Ngọc G.

*[2] Về nội dung tranh chấp:*

*2.1* Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ là biên bản xác nhận công nợ ngày 31/7/2022 có chữ ký xác nhận của đại diện Công ty TNHH HMK là bà Phạm Thị Như B và chữ ký xác nhận của ông Phan Trọng T đã xác định được giữa Công ty TNHH HMK và ông Phan Trọng T, bà Nguyễn Thị Ngọc G có xác lập quan hệ mua bán tài sản là thuốc thú y và thức ăn thủy sản. Sự thỏa thuận giữa Công ty TNHH HMK và ông Phan Trọng T và bà Nguyễn Thị Ngọc G là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung thỏa thuận không trái đạo đức, pháp luật nên được xem là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Phan Trọng T và bà Nguyễn Thị Ngọc G đã vi phạm thỏa thuận là không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Công ty TNHH HMK, qua đối chiếu công nợ tại biên bản xác nhận công nợ ngày 31/7/2022 đã chứng minh ông Phan Trọng T và bà Nguyễn Thị Ngọc G còn nợ Công ty TNHH HMK số tiền 70.892.500 đồng (bảy mươi triệu tám trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng). Việc vi phạm nghĩa vụ của ông Phan Trọng T và bà Nguyễn Thị Ngọc G đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH HMK . Do đó, căn cứ vào Điều 440 Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH HMK, buộc ông Phan Trọng T và bà Nguyễn Thị Ngọc G có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH HMK số tiền còn nợ là 70.892.500 đồng (bảy mươi triệu tám trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng).

*2.2 Về nghĩa vụ trả lãi*: Tại đơn khởi kiện đại diện Công ty TNHH HMK yêu cầu tính lãi suất 01%/tháng đối với số tiền nợ chưa thanh toán của ông Phan Trọng T và bà Nguyễn Thị Ngọc G. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Việt B1 yêu cầu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng đối với số tiền 70.892.500 đồng từ ngày 31/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/02/2023). Ông Phan Trọng T và bà Nguyễn Thị Ngọc G chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu nghĩa vụ trả lãi trên số tiền chậm trả. Xét thấy giữa Công ty TNHH HMK và ông Phan Trọng T, bà Nguyễn Thị Ngọc G thỏa thuận mua bán thông qua hợp đồng bằng lời nói, không có chứng cứ chứng minh mức lãi suất các bên thỏa thuận, tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Việt B1 thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu mức lãi suất là 0,83%/tháng, ông Phan Trọng T trình bày khi mua bán hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng nay ông đồng ý trả lãi cho nguyên đơn. Xét thấy mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 357, Điều 440,

khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự chấp nhận mức lãi suất các bên thỏa thuận. Đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Việt B1 yêu cầu tính lãi từ ngày 31/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/02/2023) là 06 tháng, yêu cầu này là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Nghĩa vụ trả lãi của ông Phan Trọng T và bà Nguyễn Thị Ngọc G được xác định là 70.892.500 đồng x 0,83 % x 06 tháng = 3.530.000 đồng (ba triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng).

*[3] Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*[5] Quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357, Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Xử:**

*1*. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH HMK.

Buộc ông Phan Trọng T và bà Nguyễn Thị Ngọc G có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH HMK số tiền vốn gốc là 70.892.500 đồng (bảy mươi triệu tám trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng) và tiền lãi là 3.530.000 đồng (ba triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

*2. Về án phí sơ thẩm:*

- Công ty TNHH HMK được nhận lại số tiền 1.772.000 đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi hai ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003901 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Ông Phan Trọng T và bà Nguyễn Thị Ngọc G phải chịu 3.721.000 đồng (ba triệu bảy trăm hai mươi mốt ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

*3. Quyền kháng cáo:* Công ty TNHH HMK, bà Nguyễn Thị Việt B1, ông Phan Trọng T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/02/2023). Bà Nguyễn Thị Ngọc G được quyền kháng cáo trong hạn 15

ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*4*. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Hữu Phúc**